

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CS  
TỈNH GL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 14/2023/QĐST- HNGĐ

CS, Ngđ 27 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ Ngđ 22 tháng 02 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1987; trú tại: Thôn 1, xã Ia Hl, huyện CS, tỉnh GL

- Bị đơn: Anh Hà Như Th, sinh năm 1977; trú tại: Thôn 1, xã Ia Hl, huyện CS, tỉnh GL

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 86, 87, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành Ngđ 17 tháng 3 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành Ngđ 17 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 Ngđ, kể từ Ngđ lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Ng và anh Hà Như Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ng và anh Hà Như Th có 03 con chung là cháu Hà Đông Tr, sinh Ngđ 08/01/2010; cháu Hà Bích Ng, sinh Ngđ 01/8/2011 và cháu Hà Bích N, sinh Ngđ 01/12/2013.

Anh chị thống nhất thoả thuận phù hợp với nguyện vọng của con chung, giao cháu Tr cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Ng và cháu N cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ

Ngày 17/3/2023 cho đến khi các con thành niên. Trường hợp các cháu đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì anh Thủy phải tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng, cháu N và chị Ng phải tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr cho đến khi các cháu có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Ng, cháu N mỗi tháng mỗi cháu là 1.500.000 đồng kể từ Ngày 01/4/2023 cho đến khi các cháu thành niên. Trường hợp các cháu đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì chị Ng phải tiếp tục cấp dưỡng nuôi cháu Ng, cháu N theo mức cấp dưỡng trên cho đến khi các cháu có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng, chị Ng và anh Th mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và riêng chị Ng phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, chị Ng tự nguyện nộp thay phần án phí mà anh Th phải nộp nên phần án phí mà chị Ng nộp tổng cộng là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002840 Ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CS, tỉnh GL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện CS (02 bản);
- UBND xã NK, thị xã AN,  
tỉnh BĐ (01 bản);
- Chi cục THADS huyện CS;
- Lưu hồ sơ (01 bản).

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Đình H**